

Số: 1512/BC-SCT

Quảng Trị, ngày 22 tháng 12 năm 2016

## BÁO CÁO

### V/v tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm 2016 và xây dựng kế hoạch năm 2017

Thực hiện Công văn số 1009/CNĐP-KHTH ngày 12/12/2016 của Cục Công nghiệp địa phương V/v báo cáo tổng kết thực hiện kế hoạch năm 2016 và xây dựng kế hoạch năm 2017; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo như sau:

#### I. Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về phát triển ngành công thương năm 2016

1. Phần số liệu: Các biểu từ 01 đến 04 kèm theo.
2. Phần đánh giá tình hình thực hiện
  - 2.1. Kết quả sản xuất công nghiệp và hoạt động thương mại
    - a) Về lĩnh vực công nghiệp

##### - Chỉ số sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 10,11% so với năm 2015; Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,27%; công nghiệp khai khoáng tăng 0,29%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 10,56%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,08% so với năm trước.

##### - Giá trị sản xuất công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2016 ước đạt 7.178,7 tỷ đồng, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2015 và đạt 98,3% so với kế hoạch năm. Trong đó: Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có giá trị sản xuất đạt mức tăng trưởng cao nhất đạt 6.427,5 tỷ đồng, tăng 10,9%; ngành sản xuất phân phối điện ước đạt 391,1 tỷ đồng, tăng 5,6%; ngành cung cấp nước, hoạt động xử lý nước thải, rác thải ước đạt 99,6 tỷ đồng, tăng 6,8%. Riêng ngành khai khoáng ước đạt 260,5 tỷ đồng, giảm 1,6% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp có bước chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến chế tạo<sup>1</sup> và giảm dần tỷ trọng ngành công nghiệp khai khoáng<sup>2</sup>. Tuy nhiên, do đặc thù của tỉnh là doanh nghiệp nhỏ và vừa, có năng lực sản xuất còn hạn chế, sức tiêu thụ của thị trường giảm sút, khả năng cạnh tranh về chất lượng và giá cả hàng hóa trên thị trường còn thấp.

##### - Sản phẩm công nghiệp chủ yếu

Trong năm, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có sức cạnh tranh và đạt mức tăng trưởng tương đối cao, cụ thể như: Ván ép MDF tăng 86,65%; Tấm lợp pro xi măng tăng 30,25%; lốp xe các loại tăng 30,67%; tinh bột sắn tăng 24,89%; săm xe các loại tăng 24,63%; vỏ bào, dăm gỗ tăng 21,0%; nước hoa quả tăng

<sup>1</sup> Năm 2012: 81,53%; năm 2013: 82,6%; năm 2014: 85,76%; năm 2015: 87,35%; năm 2016: 89,5%.

<sup>2</sup> Năm 2012: 7,71%; năm 2013: 6,91%; năm 2014: 6,23%; năm 2015: 4,58%; năm 2016: 3,62%.

17,51%; điện thương phẩm tăng 12,88%; điện sản xuất tăng 12,44%; nước uống tăng 11,10%. Một số sản phẩm vẫn duy trì ở mức ổn định như: Bia dạng lon tăng 8,8%; đá xây dựng tăng 4,82%; quần áo may sẵn tăng 4,37%; gạch xây tăng 0,68%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm như: Quặng Imenit giảm 63,55%; phân bón NPK giảm 32,53%; dầu nhựa thông giảm 17,96%; quặng zircon giảm 10,64%; xi măng giảm 8,18%; dầu nhựa thông 7,96%; gỗ cưa, gỗ xẻ giảm 7,3% so với năm trước.

#### b) Về lĩnh vực thương mại

##### *- Hoạt động thương mại*

Năm 2016, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 21.802 tỷ đồng, tăng 7,47% so với năm 2015, đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong những năm gần đây và chỉ đạt 87,91% so với kế hoạch năm<sup>3</sup>. Trong năm, mặc dù tình đã tích cực triển khai các giải pháp kích cầu như đưa hàng Việt về nông thôn; thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” nhưng do điều kiện khó khăn, sức mua nội tỉnh yếu và lượng khách tham quan mua sắm giảm đã làm ảnh hưởng đáng kể đến tình hình kinh doanh thương mại trên địa bàn tỉnh. Hạ tầng thương mại tiếp tục được quan tâm đầu tư xây dựng, hệ thống bán lẻ tiếp tục phát triển mạnh. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 90 chợ, 09 siêu thị, 01 trung tâm thương mại, 183 cửa hàng bán lẻ khí dầu mỏ hóa lỏng, 02 trạm chiết nạp khí dầu mỏ hóa lỏng, 109 cửa hàng xăng dầu.

Các doanh nghiệp thương mại đầu ngành như Công ty CP Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị, Công ty Xăng dầu Quảng Trị phát huy tốt vai trò chủ đạo, tham gia bình ổn thị trường trong các dịp lễ, tết, lụt bão.

##### *- Hoạt động xuất, nhập khẩu*

Năm 2016, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 201,39 triệu USD, giảm 13,64% so với cùng kỳ năm trước và đạt 95,9% so với kế hoạch năm 2016. Trong năm, mặt hàng xuất khẩu chủ yếu như: Hàng rau ước đạt 46,26 triệu USD; sản và các sản phẩm từ sản ước đạt 21,61 triệu USD; gỗ ước đạt 84,05 triệu USD. Hoạt động kinh doanh xuất khẩu có xu hướng chững lại do khó khăn về nguồn hàng, thị trường và giá cả thiếu ổn định.

Năm 2016, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 82,465 triệu USD, giảm 65,64% so với năm trước và chỉ đạt 35,9% so kế hoạch năm. Nguyên nhân chủ yếu do Chính phủ Lào đóng cửa rừng, nguồn gỗ nhập về giảm mạnh.

#### 2.2. Hoạt động khuyến công:

##### *- Công tác quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công.*

Sở đã chỉ đạo Trung tâm KC-XTTM phối hợp với Hội Nông dân, Tỉnh Đoàn, Liên minh HTX tỉnh và Phòng Kinh tế - Hạ tầng cấp huyện kiểm tra, khảo sát các mô hình đầu tư sản xuất từ đầu năm 2016 để hỗ trợ khuyến công tỉnh; Chỉ đạo triển khai các đề án khuyến công quốc gia năm 2016.

Đôn đốc, hướng dẫn các huyện, thành phố, thị xã đăng ký sản phẩm CNNT tiêu biểu để tổ chức bình chọn cấp tỉnh lần thứ 3 (năm 2016). Chỉ đạo và tổ chức thành công Lễ tôn vinh Sản phẩm CNNT tiêu biểu lần 3, năm 2016 và phát động phong trào thi đua sản xuất, phát triển sản phẩm CNNT trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Chủ trì tham mưu

<sup>3</sup> Trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 18.601 tỷ đồng, tăng 8.26%, đạt 96% so kế hoạch.

UBND tỉnh chỉ đạo về việc tiếp tục đẩy mạnh hoạt động khuyến công và tăng cường năng lực Trung tâm khuyến công<sup>4</sup>.

Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện khuyến công và công tác tư vấn phát triển công nghiệp quý, năm theo yêu cầu của Bộ Công Thương và Cục Công nghiệp địa phương. Báo cáo kết quả thực hiện công tác bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu các cấp của địa phương năm 2015; Tham gia ý kiến điều chỉnh, bổ sung các văn bản QPPL về hoạt động khuyến công.

Chỉ đạo xây dựng ấn phẩm “Tài liệu công tác khuyến công”. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch, đăng ký vốn khuyến công quốc gia, tỉnh, huyện năm 2017.

*- Tổ chức bộ máy, biên chế, cơ sở vật chất của Trung tâm và mạng lưới khuyến công*

Cơ cấu tổ chức bộ máy: Trung tâm Khuyến công và XTTM có 4 phòng chuyên môn nghiệp vụ, gồm: Phòng Hành chính tổng hợp; Phòng Khuyến công; Phòng Xúc tiến thương mại; Phòng Khoa học công nghệ và thông tin.

Về biên chế: Bộ máy Trung tâm Khuyến công và XTTM có 11 người, trong đó: có 8 biên chế, 3 hợp đồng, số lao động có trình độ trên đại học 02 người; đại học, cao đẳng: 7 người, trung cấp 2 người.

Về đầu tư cơ sở vật chất: Đã có trụ sở làm việc, ô tô và trang thiết bị nhằm phục vụ công tác (bàn ghế, máy tính, máy quay phim, máy chiếu, máy ảnh,...).

Hệ thống khuyến công viên cấp huyện, thị xã, thành phố: Có 18 cán bộ khuyến công/9 huyện, thị xã, thành phố.

*- Kết quả thực hiện hoạt động khuyến công*

Năm 2016, tổng kinh phí khuyến công được bố trí hỗ trợ cho 21 đề án là 997,5 triệu đồng, thấp hơn so với năm 2015 (17 đề án 1.035 triệu đồng); tổng kinh phí khuyến công quốc gia hỗ trợ 02 đề án là 2.800 triệu đồng, cao hơn nhiều lần so với năm 2015 (01 đề án 319 triệu đồng) do được hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng. Các đề án đề nay đã hoàn thành công tác nghiệm thu, đang gấp rút hoàn thành giải ngân, quyết toán trong năm tài khóa.

Mặc dù nguồn kinh phí khuyến công quốc gia và tỉnh hỗ trợ cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất không lớn nhưng đã huy động được một nguồn lực đầu tư của nhà nước và xã hội khá lớn (trên 15 tỷ đồng). Qua đó đã góp phần tích cực trong việc nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm hàng hóa, quảng bá giới thiệu, kết nối cung cầu hàng hóa của tỉnh với các địa phương khác; tạo mặt bằng sản xuất, giảm ô nhiễm môi trường trong khu dân cư; tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở khu vực nông thôn, theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đảm bảo an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới. Việc hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng CCN Cam Thành đã góp phần hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác thu hút đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh trong cụm.

*- Nhận xét chung*

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về khuyến công ở địa phương đã hoàn thiện theo quy định trước và trong năm 2015, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho quản lý, tổ chức thực hiện. Công tác chỉ đạo về khuyến công, bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu đã

<sup>4</sup> Văn bản 4935/UBND-CN ngày 22/11/2016 V/v Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm, chỉ đạo thực hiện; Chất lượng hoạt động khuyến công và năng lực Trung tâm Khuyến công và XTTM ngày càng được nâng lên.

Tuy nhiên, đa số lượng các cơ sở sản xuất CNNT trên địa có quy mô nhỏ, siêu nhỏ, thiếu vốn đầu tư đổi mới máy móc, thiết bị, công nghệ; cán bộ khuyến công cấp huyện được bố trí kiêm nhiệm nhiều việc, chế độ chính sách còn nhiều hạn chế đối với đối tượng này nên công tác khuyến công một số huyện chưa đi vào nền nếp... đã phần nào ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động khuyến công.

### 2.3. Công tác quản lý cụm công nghiệp (CCN):

#### - Công tác quy hoạch CCN.

Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị được lồng ghép vào trong Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, có tính đến năm 2025, theo đó trên địa bàn tỉnh quy hoạch đến năm 2020 là 20 CCN. Đến nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã hình thành được 17 CCN với tổng diện tích 527,5 ha. Có 14 CCN đang hoạt động đạt tỷ lệ lấp đầy bình quân 53,8%.

#### b) Thành lập, đầu tư xây dựng hạ tầng CCN

Trong năm 2016, CCN Hải Chánh, huyện Hải Lăng được UBND tỉnh thành lập tại Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 15/3/2016, nâng tổng số cụm công nghiệp được hình thành trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là 17 cụm.

Trong năm 2016 nguồn vốn ngân sách Trung ương đầu tư xây dựng KCHT CCN là 11 tỷ đồng (hỗ trợ có mục tiêu, khuyến công quốc gia), trong đó: CCN Hải Lệ: 1 tỷ đồng; CCN Đông Á Tử: 4 tỷ đồng; CCN Cam Hiếu: 3,5 tỷ đồng và CCN Cam Thành: 2,5 tỷ đồng. Ngoài ra, huyện Cam Lộ bố trí 2,5 tỷ đồng để đối ứng xây dựng hạ tầng CCN Cam Thành, Thành phố Đông Hà bố trí 1,5 tỷ đồng để tiếp tục đầu tư mặt bằng CCN Đường 9D; 410 triệu đồng để sửa chữa, nâng cấp hạ tầng giai thông CCN Đông Lễ. Đến hết năm 2016, tổng kinh phí đã bố trí đầu tư xây dựng hạ tầng CCN khoảng 118 tỷ đồng.

Công tác chuẩn bị đầu tư KCHT cụm, điểm công nghiệp - làng nghề được quan tâm thực hiện như: quy hoạch chi tiết CCN Hải Chánh, điểm công nghiệp - làng nghề sản xuất mắm ruốc Triệu Lăng; Phê duyệt đề cương, nhiệm vụ, dự toán điều chỉnh quy hoạch CCN Cam Tuyên; đăng ký vốn khuyến công quốc gia hỗ trợ đầu tư lập QCHT CCN Cam Tuyên, đầu tư KCHT CCN Cửa Tùng.

#### - Tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh của các CCN:

Đến nay, thu hút được 107 dự án đăng ký với tổng vốn đầu tư khoảng 2.157 tỷ đồng, trong đó: 56 dự án đã đi vào hoạt động với số vốn đã thực hiện 933 tỷ đồng; Riêng năm 2016, thu hút được 8 dự án đầu tư với tổng số vốn đăng ký 413 tỷ đồng (SX chế biến gạo Chấm Chấm, Xưởng may Quảng Trị, may mặc Thành An, may mặc Hòa Thọ, bê tông đúc sẵn 793, viên nén Phát Đạt, Cơ khí Cảnh Luyến, muối I-ốt Thảo Nguyên).

Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án chế biến gỗ và lò sấy gỗ Quý Lâm (CCN Cam Thành), dự án chế biến lâm đặc sản Đông Hà (CCN Cam Hiếu), dự án lắp dựng tiền chế, thùng xe và cửa cuốn các loại Hữu Hùng, dự án sản xuất các loại đồ da mỹ nghệ Văn Hải (CCN Hải Thượng); điều chỉnh diện tích, mở rộng quy mô cho dự án sản xuất VLXD của Công ty Thiên Tân, chế biến gỗ Tiến Phong, dự án chế biến và sản xuất gỗ rừng trồng Thu Hằng (CCN Hải Thượng); tập trung hỗ trợ tháo gỡ vướng mắc về

môi trường để đưa dự án Cụm liên hợp dệt - nhuộm - may Hải Lăng sớm đi vào hoạt động...

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, hạ tầng thiếu đồng bộ, quỹ đất sạch để đầu tư hạn chế (gần như không có)... nhưng các doanh nghiệp tại các CCN trên địa bàn tỉnh đã khắc phục khó khăn, tích cực hoạt động tạo ra giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt khoảng 700 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước gần 30 tỷ đồng. giải quyết việc làm cho khoảng 2.500 lao động, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 4 triệu đồng/người.

*- Công tác ban hành, thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển CCN của Trung ương và địa phương.*

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng CCN theo Quyết định 40/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Phối hợp, hỗ trợ UBND huyện Cam Lộ hỗ trợ đầu tư hệ thống xử lý nước thải tại CCN Cam Thành từ nguồn vốn khuyến công quốc gia. Đã đăng ký vốn khuyến công quốc gia năm 2017 hỗ trợ đầu tư điều chỉnh QHCT CCN Cam Tuyên, đầu tư KCHT CCN Cửa Tùng. Các chính sách khuyến công đầu tư kết cấu hạ tầng CCN... rất có ý nghĩa đối với các địa phương khó khăn về nguồn vốn như tỉnh Quảng Trị.

*- Công tác xử lý các CCN trên địa bàn hình thành trước Quy chế quản lý CCN.*

Thực hiện Thông tư số 39/2009/TT-BCT ngày 28/12/2009 của Bộ Công Thương V/v Quy định thực hiện một số nội dung của Quy chế quản lý CCN ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ; Sở Công Thương Quảng Trị đã phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát các CCN hình thành trước khi quy chế có hiệu lực và tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 28/9/2010 V/v công nhận và đổi tên các CCN trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 105/2009/QĐ-TTg. Việc thành lập, mở rộng, bổ sung CCN sau ngày 05/10/2009 được tỉnh Quảng Trị thực hiện theo Quy chế quản lý CCN ban hành kèm theo Quyết định 105/2009/QĐ-TTg và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Báo cáo tình hình thực hiện quy định tại Thông tư số 17/2016/TT-BCT ngày 30/8/2016 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Điều 10 Thông tư liên tịch số 31/2012/TTLT-BCT-BKHĐT hướng dẫn xử lý CCN hình thành trước khi quy chế quản lý CCN ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực.

#### 2.4. Tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV)

Đến nay, số lượng doanh nghiệp công nghiệp khoảng 300 đơn vị, tăng khoảng 18% so với năm 2015. Nhiều doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, góp phần tăng tỷ trọng sản xuất công nghiệp, nguồn thu cho ngân sách như các nhà máy: Bia Hà Nội, Gỗ MDF, Thông Quảng Phú, Trạm nghiền Xi măng, May Hòa Thọ, Thủy điện Rào Quán, Săm lốp Camel, Nước uống tăng lực Super Horse... Tuy nhiên, bên cạnh đó có một số doanh nghiệp, dự án gặp nhiều khó khăn đang tạm dừng hoặc giãn tiến độ; Một số nhà máy sản xuất gạch không nung hoạt động chưa hết công suất, do sản phẩm chưa cạnh tranh được với gạch tuynel và chưa thực sự đi vào các công trình vốn tư nhân; các nhà máy sản xuất viên nén tiếp tục gặp nhiều khó khăn do giá cả thị trường chưa có dấu hiệu khởi sắc...

#### 2.5. Tình hình hoạt động hợp tác xã (HTX) công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (CN-TTCN)

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 04 HTX công nghiệp - TTCN đang hoạt động. Trong đó có: 2 HTX khai thác khoáng sản, 1 HTX chế biến thủy sản, và 1 HTX chế biến nông lâm sản, với tổng số lao động là 120 người, thu nhập bình quân của xã viên là 2,5 triệu đồng/người/tháng.

Nhìn chung, đa số các HTX trong hoạt động sản xuất kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn, một số HTX tạm ngừng hoạt động hoặc tiến hành giải thể hoặc chuyển đổi mô hình hoạt động như: HTX Chế biến nước mắm Mỹ Thủy, HTX chổi đót Văn Phong đã tiến hành chuyển đổi thành Tổ hợp tác, HTX khai thác đá Thượng Lâm đã tiến hành giải thể, HTX cưa xẻ gỗ thị xã Quảng Trị ngừng hoạt động do biến động của thị trường. Bên cạnh đó, có một số HTX duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, đem lại hiệu quả kinh tế cao như HTX dịch vụ và chế biến thủy sản Tiên Phát, HTX sản xuất VLXD và khai thác Như Lệ.

#### 2.6. Tình hình sản xuất kinh doanh của các làng nghề (LN) lĩnh vực CN-TTCN

Đến nay, toàn tỉnh đã công nhận cho 15 làng nghề CN-TTCN, trong đó có: 11 làng nghề truyền thống và 4 nghề truyền thống và làng nghề. Chủ yếu là các nghề thủ công giản đơn, ít độ tinh xảo như: làm nước mắm, làm bún bánh, nấu rượu, làm hương, đan lát... Sản phẩm của các làng nghề làm ra còn đơn điệu, chưa chú trọng đến khâu quảng bá, tiếp thị và đăng ký nhãn hiệu, thương hiệu; sức cạnh tranh thấp... Chính vì vậy, sản phẩm làm ra chủ yếu tiêu thụ nội địa và các tỉnh lân cận.

Các làng nghề sau khi được công nhận đang được đầu tư hỗ trợ, tạo điều kiện xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm nên đang có sự phát triển khá, sản phẩm từng bước được thị trường và người tiêu dùng chấp nhận và có chỗ đứng trên thị trường. Các làng nghề đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, giải quyết công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động địa phương, với mức bình quân từ 2 - 2,5 triệu đồng/người/tháng.

#### 2.7. Công tác bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu

Thực hiện Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương, Sở Công Thương đã chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và XTTM tỉnh hướng dẫn, đơn đốc đăng ký hồ sơ bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu tỉnh Quảng Trị lần 3. Có 36 sản phẩm của 22 cơ sở CNNT tham gia. Kết quả có 23 sản phẩm của 16 cơ sở có hồ sơ hợp lệ, đáp ứng các tiêu chí và được Hội đồng bình chọn, công nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh năm 2016. Hội đồng đã chọn 07 sản phẩm đoạt giải cấp tỉnh tham gia bình chọn cấp Khu vực miền Trung – Tây Nguyên tổ chức tại tỉnh Quảng Ngãi và có 03 sản phẩm được bình chọn, công nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp khu vực.

Tổ chức thành công Lễ tôn vinh sản phẩm CNNT tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị lần 3, năm 2016 và Phát động phong trào sáng tạo phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Xây dựng và phát hành ấn phẩm sản phẩm CNNT tiêu biểu tỉnh qua 3 lần bình chọn nhằm quảng bá, giới thiệu các sản phẩm của tỉnh đã được công nhận.

Kinh phí thực hiện các nội dung này là 172 triệu đồng, cấp huyện không tổ chức bình chọn mà chỉ đăng ký, đề nghị bình chọn cấp tỉnh.

Qua công tác bình chọn và tổ chức thành công lễ tôn vinh đã kịp thời động viên, khuyến khích các doanh nghiệp, tôn vinh các sản phẩm CNNT của tỉnh có chất lượng, giá trị sử dụng cao và có tiềm năng phát triển sản xuất. Thông qua công tác bình chọn, hệ thống các sản phẩm CNNT của tỉnh ngày càng phát triển, mở rộng cả về quy mô, số lượng

và chất lượng, đa dạng hóa về mẫu mã, chủng loại, phát triển nhiều sản phẩm mới. Trong số đó, nhiều sản phẩm đã và đang khẳng định thương hiệu, uy tín trên thị trường trong và ngoài nước, góp phần quảng bá hình ảnh của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và các sản phẩm đặc trưng của tỉnh, tạo ra sự lan tỏa lớn trong trào thi đua sản xuất và phát triển sản phẩm của các doanh nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh.

### 3. Kết quả công tác quản lý nhà nước

Công tác lập quy hoạch ngành, lĩnh vực được Sở quan tâm và tích cực triển khai thực hiện. Trong năm, Sở đã phối hợp với các sở, ngành liên quan hoàn chỉnh hồ sơ, tham mưu UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị tỉnh Quảng Trị đến năm 2035; Hoàn thiện Dự thảo Đề án Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 – 2025; Hoàn chỉnh, trình HĐND, UBND tỉnh xem xét Đề án Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2020; Quy hoạch phân khu xây dựng Khu vực hỗ trợ phát triển các dự án động lực thuộc Khu Đông Nam tỉnh và Quy định quản lý theo đề án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị. Tiếp tục triển khai Kế hoạch triển khai Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020 của Chính phủ; Chương trình khuyến công, chương trình xúc tiến thương mại tỉnh giai đoạn 2016-2020.

Hoàn thành công tác điều tra năng lực sản xuất một số sản phẩm công nghiệp bàn tại các đơn vị được điều tra; Tham gia đoàn khảo sát năng lực sản xuất, sửa chữa của các doanh nghiệp công nghiệp trong ngành. Tham mưu triển khai thực hiện giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh, vướng mắc trong thủ tục đầu tư dự án Nhà máy sản xuất viên nén; dự án đầu tư lắp ráp xe đạp, xe máy, ô tô điện, dự án dệt nhuộm may; Kiểm tra thực địa và đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho hoạt động tiêu thụ khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Hoàn thành Đề tài "Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh".

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp quản lý các dự án thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị<sup>5</sup>; Tổ chức rà soát quy hoạch và tiến độ thực hiện các dự án thủy điện nhỏ; Trình UBND tỉnh phê duyệt Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đến năm 2020

Chỉ đạo các doanh nghiệp tổ chức dự trữ hàng hóa phục vụ bình ổn giá trong dịp lễ, Tết năm 2015; dự trữ hàng hóa phòng chống lụt bão; Tổ chức bán hàng bình ổn giá; Đưa hàng Việt về nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 31/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường sử dụng, phối trộn, phân phối xăng sinh học; Tham mưu khảo sát và thống nhất địa điểm bổ sung quy hoạch, đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu...

Tổ chức khảo sát tình hình hoạt động các chợ trên địa bàn tỉnh; Đề xuất UBND tỉnh các biện pháp tổ chức quản lý chợ; Tham mưu UBND tỉnh xác định thẩm quyền quản lý nhà nước đối với chợ Đông Hà. Hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện thủ tục đầu tư xây

<sup>5</sup> Tại Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của UBND tỉnh.

dụng chợ và tham mưu đề xuất bố trí vốn đầu tư phát triển chợ, nhất là chợ thuộc các xã thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới.

Hỗ trợ nhà đầu tư triển khai dự án đầu tư xây dựng cảng biển Mỹ Thủy trong Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị; công tác phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi (F/S) nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1. Tham mưu UBND tỉnh làm việc với các nhà đầu tư về phát triển dự án động lực của ngành trên địa bàn tỉnh.

Công tác thanh tra, kiểm tra tiếp tục được tăng cường, trong đó tập trung vào các lĩnh vực như: An toàn kỹ thuật công nghiệp, an toàn hóa chất, môi trường; hoạt động điện lực; sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; hoạt động kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng; sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; hoạt động khuyến mại. Hoạt động thanh tra, kiểm tra đã kịp thời phát hiện, ngăn chặn và chấn chỉnh các sai phạm trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

## **II. Kế hoạch, giải pháp năm 2017**

### **1. Dự báo tình hình thuận lợi và khó khăn**

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVI và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 của tỉnh; Năm đầu hội nhập ASEAN với nhiều cơ hội và khó khăn, thách thức; Hiệp định ôi tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) có khả năng đổ vỡ... Công tác khảo sát đánh giá và xây dựng các mô hình liên doanh liên kết trong chế biến, tiêu thụ sản phẩm đến nay triển khai còn chậm.

### **2. Các chỉ tiêu chủ yếu**

- Về công nghiệp: Giá trị sản xuất công nghiệp (giá SS 2010) đạt 8.400 tỷ đồng, tăng 17,0% so với năm 2016.

- Về thương mại: Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ xã hội (giá hiện hành) đạt 25.000 tỷ đồng, tăng 14,7% so với năm 2016.

- Xuất nhập khẩu: + Kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 220 triệu USD.

+ Kim ngạch nhập khẩu đạt khoảng 150 triệu USD.

### **3. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm**

Hỗ trợ Công ty Điện lực quốc tế Thái Lan sớm hoàn tất thủ tục đầu tư để tiến hành khởi công xây dựng nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1.

Huy động mọi nguồn vốn để đầu tư và hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp, CCN hiện có và phát triển thêm một số CCN theo quy hoạch để thu hút đầu tư.

Tích cực làm việc với Bộ Công Thương để bố trí vốn đầu tư các dự án thuộc Chương trình cấp điện nông thôn. Đề nghị Trung ương hỗ trợ đầu tư hệ thống cấp điện từ nguồn điện lưới quốc gia cho huyện đảo Cồn Cỏ.

Triển khai điều chỉnh các quy hoạch, gồm: Quy hoạch phát triển công nghiệp đến năm 2020, có tính đến năm 2025; Quy hoạch phát triển thương mại đến năm 2020, định hướng cho các năm tiếp theo phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo quy hoạch có tính "mở" và "động", đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp và thương mại phù hợp với xu thế phát triển kinh tế khu vực và thế giới.

Triển khai có hiệu quả các Chương trình, dự án đã được ban hành, gồm: Kế hoạch hành động thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị



phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chương trình Khuyến công tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020; Chương trình xúc tiến thương mại giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ; Đề án củng cố, khôi phục và phát triển làng nghề, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

Nghiên cứu kêu gọi đầu tư các dự án sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm, thủy sản, các dự án phong điện, điện mặt trời để góp phần gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp.

Triển khai thực hiện đề án “Xây dựng gian hàng trưng bày giới thiệu các sản phẩm truyền thống, sản phẩm trên địa bàn tỉnh” tại Trung tâm nhằm quảng bá, giới thiệu các sản phẩm CNNT tiêu biểu trên địa bàn tỉnh.

Tham mưu tổ chức làm việc với các đơn vị, địa phương liên quan đánh giá tình hình đầu tư xây dựng, hoạt động sản xuất của doanh nghiệp tại các CCN trên địa bàn; Tham mưu, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoàn thiện kết cấu hạ tầng CCN, trình UBND tỉnh. Cập nhật, xây dựng cơ sở dữ liệu về tình hình phát triển, hoạt động các CCN trên địa bàn.

Tiếp tục tổ chức rà soát các dự án sản xuất dăm gỗ. Hỗ trợ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư chế biến sâu các sản phẩm từ gỗ để gia tăng giá trị sản phẩm.

Tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh về phương án lộ trình thu phí sử dụng hạ tầng CCN trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp đề xuất các giải pháp và tạo nguồn lao động trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận bảo đảm đáp ứng phát triển liên quan ngành dệt may.

Tham mưu UBND tỉnh trình Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị về đẩy mạnh phát triển công nghiệp nông thôn gắn với việc xây dựng nông thôn mới.

Nghiên cứu, đăng ký để tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng Chương trình phát triển CNHT trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP.

#### 4. Kiến nghị, đề xuất

Kết cấu hạ tầng phát triển công nghiệp - thương mại mặc dù đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa hoàn thiện và còn nhiều bất cập (đầu tư chưa đồng bộ, thiếu hệ thống xử lý chất thải, thu hút các dự án đầu tư không đúng ngành nghề theo quy hoạch ...). Trong thời gian tới, kính đề nghị lãnh đạo tỉnh quan tâm bố trí vốn đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng các KKT, KCN, CCN để tạo điều kiện thu hút đầu tư; quan tâm đầu tư xây dựng mới và nâng cấp hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là địa bàn miền núi, vùng sâu vùng xa, vì thực tế trong những năm qua vốn ngân sách đầu tư cho phát triển chợ quá ít. Đồng thời, chỉ đạo các ngành chức năng chấn chỉnh những bất cập trong thu hút đầu tư để tạo môi trường đầu tư lành mạnh trong các KKT, KCN, CCN và phát huy hiệu quả vốn đầu tư.

Đề khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của địa phương về nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến (nông, lâm, thủy hải sản,...) tạo ra sản phẩm có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, đề nghị tỉnh quan tâm hơn nữa công tác chỉ đạo các ngành, các địa phương trong việc lập quy hoạch và phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch nhằm cân đối cung cầu, phát huy tối đa lợi thế của địa phương, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho các cơ sở chế biến hoạt động trên địa bàn

lĩnh và tạo điều kiện thuận lợi cho thủ tục đầu tư các dự án mới nhằm cải thiện năng lực sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Kính đề nghị Bộ Công Thương chỉ đạo Tổng cục Năng lượng và các Cục, Vụ liên quan tiếp tục tạo điều kiện, hỗ trợ Công ty Điện lực Quốc tế Thái Lan để sớm được phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS) của dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trị 1. Quan tâm đối với phương án cấp điện cho huyện đảo Cồn Cỏ, tỉnh Quảng Trị bằng điện lưới quốc gia; Bộ Công Thương sớm phê duyệt các Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” năm 2017.

Kính đề nghị Bộ Công Thương phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu ban hành cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp tại các địa phương, đặc biệt là những địa phương còn gặp khó khăn, khó thu hút đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp. Kính đề nghị cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm phân bổ nguồn lực hợp lý giữa phát triển công nghiệp với phát triển đô thị nhằm tạo ra nguồn thu ngân sách và phát triển bền vững.

Hiện nay, một số cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã đầu tư kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp và thu hút, đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp có hiệu quả nhất định. Kính đề nghị Bộ Tài chính quy định về thu phí sử dụng hạ tầng cụm công nghiệp để địa phương có cơ sở thu phí và cân đối trích lập nguồn duy tu, sửa chữa và tái đầu tư kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp.

Kính đề nghị UBND tỉnh quan tâm và chỉ đạo chính quyền các cấp bố trí kinh phí đầu tư kết cấu hạ tầng CCN theo quy định tại Quyết định số 17/2010/QĐ-UBND ngày 18/10/2010 để cùng với nguồn vốn đối ứng của các huyện, thị xã, thành phố và các nguồn vốn khác đầu tư các hạng mục thiết yếu.

Kính đề nghị Bộ Công Thương sớm trình Chính phủ ban hành Nghị định quản lý cụm công nghiệp để thống nhất mô hình quản lý trong toàn quốc.

Kính đề nghị Bộ Công Thương sớm sửa đổi, bổ sung Thông tư số 33/2012/TT-BCT về lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế mở, dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản rắn phù hợp với Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. Kính đề nghị Bộ Công Thương quan tâm giới thiệu các dự án đầu tư phát triển các dự án dệt may trên địa bàn tỉnh Quảng Trị như: đầu tư nhà máy sợi, công suất 60.000 cọc sợi (6.300 tấn sợi/năm), đầu tư phát triển nhà máy sản xuất xơ VISCO công suất 30.000 tấn/năm, nhà máy may xuất khẩu tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn...

Kính đề nghị Cục Công nghiệp địa phương có văn bản hướng dẫn cụ thể các nội dung và thủ tục thanh quyết toán các nội dung được hỗ trợ đối với lĩnh vực sản xuất sạch hơn.

Kính đề nghị Cục Công nghiệp địa phương tham mưu điều chỉnh thời hạn của giấy chứng nhận bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu từ 3 năm lên 5 năm. Đồng thời, xem xét điều chỉnh tăng giá trị giải thưởng và tăng cường công tác tuyên truyền về chương trình cũng như lợi ích, giá trị các sản phẩm được chứng nhận. Tăng cường công tác liên kết tạo các chuỗi mua bán sản phẩm công nghiệp nông thôn trong đó ưu tiên cho sản phẩm CNNT tiêu biểu..

Kính đề nghị các Bộ ngành tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn việc thực hiện chuyển đổi mô hình ban quản lý chợ thành các HTX quản lý và kinh

doanh chợ, xây dựng đề án chuyển đổi mô hình quản lý chợ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các chợ trên cả nước.

Kính đề nghị Bộ Công Thương hỗ trợ kinh phí để xử lý môi trường các làng nghề, đặc biệt là những làng nghề truyền thống, làng nghề được đã công nhận.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2016 và xây dựng kế hoạch năm 2017 của Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị, kính đề nghị Cục Công nghiệp địa phương tổng hợp, quan tâm hỗ trợ địa phương phát triển./.

**Nơi nhận:**

- Cục Công nghiệp địa phương;
- Lưu: VT, QLCN.



Lê Tiên Dũng

Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị

Biểu số 01

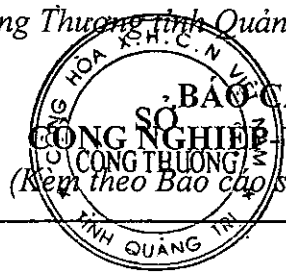
**BÁO CÁO THÔNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI  
NĂM 2016**

(Kèm theo Công văn số 1512/ABC-SCT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Sở Công Thương Quảng Trị)

TT	Chỉ tiêu	Đvt	TH2015	Năm 2016		KH 2017	Tỷ lệ so sánh %		
				KH năm	Thực hiện		6=4/1	7=4/3	8=5/4
A	B	C	1	3	4	5	6=4/1	7=4/3	8=5/4
<b>I</b>	<b>Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) - SS 2010</b>	%	112,5		110,1				
	Công nghiệp khai khoáng	"	121,1		100,3				
	Công nghiệp chế biến, chế tạo	"	117,6		111,3				
	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	"	91,6		110,6				
	Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	"	108,3		104,1				
<b>II</b>	<b>Giá trị sản xuất công nghiệp (SS 2010)</b>	Tỷ đồng	6.524,1	7.300	7.178,7	8.400	110,1%	98,3%	117,0%
1	Công nghiệp khai khoáng	"	264,7		260,5		98,40%		
2	Công nghiệp chế biến, chế tạo	"	5.795,8		6.427,5		110,90%		
3	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí	"	370,4		391,1		105,60%		
4	Cung cấp nước, HĐ quản lý và xử lý rác thải, nước thải	"	93,3		99,6		106,80%		
<b>III</b>	<b>Sản phẩm công nghiệp chủ yếu</b>	"							
1	Quặng Imenit	Tấn	9.041		3.295		36,45%		
2	Quặng zircon	Tấn	7.882		7.043		89,36%		
3	Đá xây dựng	1000 m3	780.235		817.804		104,82%		
4	Tinh bột sắn	Tấn	79.951		99.853		124,89%		
5	Bia dạng lon	1000 lít	15.643		17.019		108,80%		
6	Nước hoa quả (cam, táo)	1000 lít	9.389		11.033		117,51%		
7	Quần áo may sẵn	1000 cái	3.612		3.770				
8	Gỗ cưa, gỗ xẻ	m3	120.624		99.760,0		82,70%		
9	Vỏ bào, dăm gỗ	Tấn	160.417		194.100		121,00%		
10	Ván ép MDF	m3	77.233		144.159		186,65%		
11	Dầu nhựa thông	Tấn	1.611		1.321		82,04%		
12	Colophan, axit nhựa cây và các dẫn xuất	Tấn	7.664		6.576		85,80%		
13	Phân bón NPK	Tấn	51.972		35.067		67,47%		
14	Lốp xe các loại	1000 cái	1.278,6		1.670,7		130,67%		
15	Săm xe các loại	1000 cái	3.469		4.323,4		124,63%		
16	Gạch xây	1000 viên	154.950		156.000		100,68%		

TT	Chỉ tiêu	Đvt	TH2015	Năm 2016		KH 2017	Tỷ lệ so sánh %		
				KH năm	Thực hiện				
17	Xi măng Protland đen	Tấn	300.750		276.154		91,82%		
18	Tấm lợp pro xi măng	1000 m2	4.633		6.034		130,25%		
19	Điện sản xuất	Triệu Kwh	310		349		112,44%		
20	Điện thương phẩm	Triệu Kwh	479,8		541,6		112,88%		
21	Nước uống được	1000 m3	12.489		13.875		111,10%		
<b>IV</b>	<b>Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>20.287</b>	<b>24.800</b>	<b>21.802</b>	<b>25.000</b>	<b>107,47%</b>	<b>87,91%</b>	<b>114,7%</b>
<b>1</b>	<b>Tổng mức bán lẻ hàng hóa</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>17.182</b>		<b>18.601</b>		<b>108,26%</b>		
	<b>Phân theo loại hình kinh tế</b>	<b>Tỷ đồng</b>							
1.1	Kinh tế Nhà nước	"	862,7		930,1		107,81%		
1.2	Kinh tế Tập thể	"	0,9		0,8		97,67%		
1.3	Kinh tế Cá thể	"	9.877,3		10.704		108,37%		
1.4	Kinh tế Tư nhân	"	6.441,1		6.966,1		108,15%		
1.5	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	"	-		-		-		
<b>2</b>	<b>Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ</b>		<b>3.105</b>		<b>3.201</b>		<b>103,08%</b>		
2.1	Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)	Tỷ đồng	2.219		2.272		102,38%		
	Dịch vụ lưu trú	"	72,42		65,26		90,12%		
	Dịch vụ ăn uống	"	2.117,49		2.177		102,82%		
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	29,20		29,45		100,87%		
2.2	Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	"	885,80		928,68		104,84%		
<b>V</b>	<b>Tình hình phát triển chợ</b>								
<b>1</b>	<b>Tổng số, trong đó:</b>	<b>Chợ</b>	<b>88</b>		<b>90</b>		<b>102,3%</b>		
	- Hạng I	"	4		4		100,0%		
	- Hạng II	"	3		3		100,0%		
	- Hạng III	"	81		83		102,5%		
<b>2</b>	<b>Tổng vốn đầu tư chợ (đầu tư 01 chợ hạng III)</b>	<b>Tỷ đồng</b>			<b>2,65</b>				
<b>3</b>	<b>Số siêu thị, trung tâm thương mại thành lập</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>9</b>		<b>10</b>		<b>111,1%</b>		
<b>4</b>	<b>Tổng số vốn đầu tư siêu thị, trung tâm thương mại</b>	<b>Tỷ đồng</b>			<b>13,0</b>				
<b>VI</b>	<b>Xuất khẩu</b>	<b>1000 USD</b>	<b>233,21</b>	<b>210</b>	<b>201,39</b>	<b>220</b>	<b>86,36%</b>	<b>95,9%</b>	<b>109,2%</b>
	<b>Phân theo loại hình kinh tế</b>								
1.1	Kinh tế Nhà nước		28,12		81,38		289,41%		
1.2	Kinh tế Tư nhân		193,57		110,97		57,33%		

TT	Chi tiêu	Đvt	TH2015	Năm 2016		KH 2017	Tỷ lệ so sánh %		
				KH năm	Thực hiện				
1.3	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài		11,52		9,04		78,44%		
	<b>Phân theo mặt hàng chủ yếu</b>	"							
1	Hàng thủy sản	"	-		-				
2	Hàng rau quả	"	66,59		46,26		69,47%		
3	Cà phê	"	3,03		5,72		188,72%		
4	Gạo	"	-		-				
5	Sắn và các sản phẩm từ sắn	"	20,16		21,61		107,17%		
6	Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	"	7,75		6,28		81,04%		
7	Quặng và khoáng sản khác	"	2,30		0,12		5,35%		
8	Phân bón các loại	"	2,45		2,28		92,93%		
9	Sản phẩm từ chất dẻo	"	-		-				
10	Cao su	"	14,02		6,21		44,25%		
11	Gỗ	"	83,49		84,05		100,66%		
12	Sắt thép	"	2,96		2,12		71,52%		
13	Phương tiện vận tải và phụ tùng	"	8,74		8,23		94,16%		
14	Điện	"	2,98		3,09		103,59%		
15	Hàng hóa khác	"	1,88		14,23		755,66%		
<b>VII</b>	<b>Nhập khẩu</b>	<b>1000 USD</b>	<b>240,06</b>	<b>230</b>	<b>82,47</b>	<b>150</b>	<b>34,36%</b>	<b>35,9%</b>	<b>181,9%</b>
	<b>Phân theo loại hình kinh tế</b>	"							
1	Kinh tế Nhà nước	"	3,66		4,003		109,52%		
2	Kinh tế tư nhân	"	231,63		73,729		31,83%		
3	Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	"	4,77		4,733		99,27%		
	<b>Phân theo mặt hàng chủ yếu</b>	"							
1	Sữa và các sản phẩm từ sữa	"	-		-				
2	Hàng rau	"	67,44		46,44		68,86%		
3	Clanhke	"	0,11		0,198		186,8%		
4	Chất dẻo (Plastic) nguyên liệu	"	1,80		0,435		24,2%		
5	Cao su	"	-		-				
6	Gỗ và các sản phẩm từ gỗ	"	157,29		20,07		12,76%		
7	Hàng điện	"	-		0,20				
8	Phương tiện vận tải	"	-		0,03				
9	Hàng hóa khác	"	6,77		15,10		223,1%		

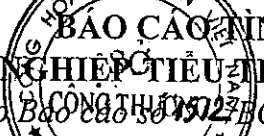


**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ (HTX)  
CÔNG NGHIỆP TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP (CN-TTCN) ƯỚC ĐẾN NGÀY 31/12/2016**  
(Kèm theo Báo cáo số 1512/BC-SCT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Sở Công Thương Quảng Trị)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện đến 31/12/2015		Ước thực hiện đến 31/12/2016		Tỷ lệ % ước thực hiện đến 31/12/2016 so với năm 2015	
			HTX	LHHTX	HTX	LHHTX		
A	B	C	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
1	Tổng số	HTX/LHHTX	8		4		50,0%	
1.1	Trong đó: - Số đã chuyển đổi theo Luật HTX 2012*	HTX/LHHTX	6		2		33,3%	
1.2	- Số thành lập mới	HTX/LHHTX	0		0			
1.3	- Số giải thể	HTX/LHHTX	0		4			
2	Tổng số lao động	Người	196		120		61,2%	
2.1	Trong đó số lao động là thành viên	Thành viên	150		95		63,3%	
3	Tổng vốn điều lệ	Triệu đồng						
4	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng						
5	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng						
6	Thu nhập bình quân tháng/1 lao động/năm	Triệu đồng	2,5		2,6		104,0%	

Chi chú: \* Thống kê báo cáo ước lũy kế thực hiện từ 01/7/2013 đến ngày 31/12/2016

ch


**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA LÀNG NGHỀ (LN)  
 CÔNG NGHIỆP TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP (CN-TTCN) ƯỚC ĐẾN NGÀY 31/12/2016**  
 (Kèm theo Báo cáo số 1502/B-C-SCT ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Sở Công Thương Quảng Trị)

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện đến 31/12/2015			Ước thực hiện đến 31/12/2016			Ghi chú
			Được công nhận	Truyền thống	Làng có nghề	Được công nhận	Truyền thống	Làng có nghề	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
1	Tổng số	LN/LCN	14	11	3	15	11	4	
2	Tổng số lao động của các cơ sở SX trong các LN&LCN	Người	1604	1520	90	1625	1245	370	
3	Thu nhập bình quân/01lao động/năm trong các LN&LCN	Triệu đồng	2,3	2,3	2,3	2,3	2,3	2,3	
4	Tổng nguồn vốn điều lệ của các cơ sở SX trong các LN&LCN	Tỷ đồng							
5	Tổng doanh thu của các cơ sở SX trong các LN&LCN	Tỷ đồng							
5.1	Tr.đó: - Kim ngạch xuất khẩu	1000 USD							
6	Tổng tiền nộp ngân sách nhà nước của các cơ sở SX trong các LN&LCN	Triệu đồng							

Ghi chú: - LN CN-TTCN trong báo cáo theo quy định tại Khoản 3, Phần I và Khoản 1-3, Mục I, Phần II Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006

*dv*



Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị

Biểu số 04

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

Năm 2016

(Kèm theo Công văn số 1512/BC-SCT ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Sở Công Thương Quảng Trị)



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện đến hết tháng 12 năm 2016	Thực hiện đến hết tháng 12 năm 2015	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước (%)
A	B	C	1	2	3=1/2
1	Giá trị sản xuất công nghiệp (Giá thực tế)	Tỷ đồng	10.273	9.532	107,8%
1.1	Công nghiệp khai thác	Tỷ đồng	162	539	30,0%
1.2	Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	9.302	8.254	112,7%
1.3	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	Tỷ đồng	680	615	110,6%
1.4	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải	Tỷ đồng	129	123	105,0%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	5.601	5.001	112,0%
3	Số cơ sở sản xuất	Cơ sở	300	254	118,1%
5	Vốn sản xuất kinh doanh	Tỷ đồng	5.130	4.442	115,5%
6	Số lao động	Người	10.000	8.899	112,4%
7	Thu nhập bình quân của người lao động	Triệu đồng	55	52	106,6%

Ghi chú: Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thuộc đối tượng DNNVV theo Điều 3 Nghị định 56/2009/NĐ-CP (số liệu thống kê chưa phân ra).

*(Handwritten mark)*